

Tính hiện đại nhìn từ khía cạnh triết học

Đỗ Quang Hưng¹

¹ Đại học Quốc gia Hà Nội.
Email: vnnquanghung@yahoo.com

Nhận ngày 4 tháng 11 năm 2016. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 12 năm 2016.

Tóm tắt: Ở Việt Nam, từ đầu thế kỷ XX trong nhiều lĩnh vực văn hóa, xã hội, thuật ngữ hiện đại hóa dần trở nên phổ biến với ý nghĩa canh tân, đổi mới theo hướng Âu hóa và trở thành vấn đề tư tưởng triết học, một động lực quan trọng của sự chuyển biến văn hóa - xã hội. Tuy vậy, thuật ngữ này chưa phản ánh hết mức độ sâu sắc và rộng lớn của thuật ngữ tính hiện đại, một trong những khái niệm có vị trí trung tâm trong suy nghĩ và hành động của nhân loại “thời hiện đại”, nhất là trong các xã hội Âu - Mỹ.

Từ khóa: Tính hiện đại, hiện đại hóa, hậu hiện đại.

Abstract: In Vietnam, since the early 20th century, in various social and cultural fields, the term “modernisation” has been more and more popular with the meaning of renovation towards Europeanisation. It has also become an issue of philosophical ideology, and an important motive of socio-cultural transformation. However, the term does not reflect fully the depth and breadth of the term “modernity”, one of the concepts located at the centre of thinking and actions of the “modern” mankind, especially in European and American societies.

Keywords: Modernity, modernisation, post-modern.

1. Mở đầu

Tính hiện đại là một trong những khái niệm có vị trí trung tâm trong suy nghĩ và hành động của nhân loại nhiều thế kỷ nay. Ý tưởng về tính hiện đại dường như được bắt đầu từ chỗ: con người khi đã phát triển đến một trình độ cao thường đòi hỏi có một sự tương ứng giữa sản xuất, lao động và trí tuệ, khoa học, công nghệ hay quản lý phù hợp. Thậm chí, cách tổ chức xã hội cũng phải được tổ chức quy củ bằng luật pháp và mỗi cá nhân cũng có xu hướng tự giải thoát khỏi những ràng buộc tự nhiên và xã hội để khẳng định vai trò của lý trí. Thậm chí,

những khái niệm tự do và hạnh phúc cá nhân cũng đòi hỏi sự thỏa mãn của những nhu cầu duy lý. Uy quyền lý trí hợp pháp gắn với nền kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản trong việc xây dựng xã hội hiện đại mặc dù không đủ để chứng minh rằng tăng trưởng kinh tế và dân chủ hóa xã hội có liên hệ chặt chẽ với nhau bằng sức mạnh của lý trí, nhưng nó cũng đã trở thành một động lực của xã hội hiện đại.

Với sự xuất hiện của khái niệm tính hiện đại, thời đại của các xã hội Châu Âu từ thế kỷ XVI đã được gọi là “thời hiện đại”; thời đó những chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, đặc biệt là triết học đã làm thay

đời sống vật chất, tinh thần của họ một cách căn bản. Về mặt tư tưởng, khi Châu Âu bước vào thời kỳ Khai sáng từ thế kỷ XVIII thì khái niệm tính hiện đại thực sự hình thành với hai yếu tố cốt lõi: cái duy lý được đề cao và cá nhân được giải phóng trở thành hệ giá trị, góp phần quyết định hình thành nền văn minh Châu Âu hiện đại.

Đây cũng là lúc ánh sáng của lý trí đã thúc đẩy sự ra đời của hệ tư tưởng của Chủ nghĩa hiện đại phương Tây tương ứng với một xã hội thể tục thoát khỏi mô hình một xã hội “nước trần gian” của Kinh thánh. Khái niệm tính hiện đại dần dần được khẳng định thêm những yếu tố tính. Nói cách khác, tính hiện đại không phải chỉ là một sự biến đổi đơn thuần của một chuỗi sự kiện nối nhau mà còn là sự lan truyền những sản phẩm của hoạt động lý trí, khoa học, công nghệ, quản lý. Nó bao hàm một sự phân hóa và biến đổi ngày càng tăng trong đời sống xã hội của các yếu tố chính trị, kinh tế, đời sống gia đình và tôn giáo, trong đó tính duy lý đã trở thành động lực thúc đẩy mọi hoạt động và loại trừ mọi kiểu hoạt động không phù hợp. Thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, tư duy của loài người về tính hiện đại đã trở nên thực sự rõ nét. Max Weber (1864-1920) đã đưa ra định nghĩa nổi tiếng về tính hiện đại bằng cách trí tuệ hóa nó, đoạn tuyệt với truyền thống mục đích luận tôn giáo, để đồng nhất tính hiện đại với sự duy lý hóa.

Ý tưởng của Max Weber, cũng giống như ý tưởng của những người đi trước như Comte, Hegel, và cả Marx, đó là sự thay thế tôn giáo vốn ở vị trí trung tâm bằng lý trí và khoa học, yếu tố tín ngưỡng tôn giáo chỉ còn vị trí trong đời sống cá nhân riêng tư. Tất nhiên, người ta cũng không đơn giản nghĩ rằng, chỉ cần ứng dụng khoa học vào công nghệ là đã có xã hội hiện đại. Đó là vì,

vị trí của trí tuệ, duy lý còn phải được đảm bảo trước những áp lực của chính trị hay tín ngưỡng tôn giáo; tính phi cá nhân của luật pháp phải bảo vệ được quyền con người và không thể biến nó thành công cụ của quyền lực cá nhân; đời sống công cộng và đời sống riêng tư phải được tách biệt... Từ khía cạnh của triết học xã hội và triết học về con người bài viết này phân tích nhận thức và lịch sử diễn biến của tính hiện đại; sự khủng hoảng của nó và sự điều chỉnh khi chuyển qua giai đoạn hậu hiện đại cuối thế kỷ XX đầu XXI.

2. Logic triết lý của tính hiện đại

Trước hết, tính hiện đại phản ánh một cấu trúc xã hội mới của chủ nghĩa tư bản về cấu trúc giai cấp và tầng lớp xã hội gắn liền với hệ thống kinh tế và công nghiệp hóa. Thuyết hậu hiện đại cho rằng, cấu trúc xã hội rất đa dạng, phức tạp và gắn liền với sự phân hóa xã hội trên các khía cạnh từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, tâm lý, giới.

Tính hiện đại coi trọng nền tảng kinh tế, nhưng đồng thời đề cao nhân tố văn hóa và con người. Điều này đã được nêu lên trong lý thuyết xã hội học của Weber và Durkheim khi hai ông bàn về sự biến đổi xã hội hiện đại. Có một điều mà các nhà xã hội học tôn giáo hết sức quan tâm, đó là vai trò của lao động, tổ chức sản xuất và ảnh hưởng của nó đến đời sống tôn giáo, như các phương pháp khoa học tổ chức lao động theo quan niệm của F.Taylor, theo chủ nghĩa Ford. Theo thuyết này, các công ty lớn sử dụng lao động bán - kỹ năng để sản xuất hàng loạt hàng hóa cung cấp cho thị trường đại chúng. Thuyết hậu hiện đại cho rằng, cách tổ chức lao động tuân theo xu

hướng đa ngành, đa lĩnh vực và sử dụng lao động đa kỹ năng.

Điểm nhấn của tính hiện đại (như Max Weber đã nhiều lần khẳng định) trong sản xuất và đời sống xã hội là tính duy lý. Đối với sự kiểm soát lao động, các thuyết hiện đại đều tập trung vào tìm hiểu và đánh giá các cơ chế quản lý, kiểm soát. Thuyết hiện đại cho rằng, để kiểm soát cần thông tin, cần hiểu biết một cách duy lý/hợp lý về mục tiêu và phương pháp hoạt động. Nhưng thuyết hậu hiện đại cho rằng, điều này khó có thể xảy ra, khó có thể khẳng định được điều gì một cách chắc chắn trong thế giới đầy mâu thuẫn, bất ổn, bất trắc này.

Các nhà xã hội học hiện đại cho rằng, tổ chức duy lý mở ra chân trời mới cho sự phát triển của xã hội. Nhưng các nhà hậu hiện đại lại cho rằng, kiểu tổ chức như vậy chỉ làm tăng sự kiểm soát của con người mà để làm quá trình che đậy sự bất ổn, sự mâu thuẫn và xung đột trong cuộc sống của con người.

Đặc biệt trong lĩnh vực chính trị, tính hiện đại không chỉ quan tâm đến sự chuyển biến của thể chế chính trị mà luôn thúc đẩy nền tảng dân chủ hóa xã hội và xây dựng nhà nước pháp quyền theo hướng của các cuộc cách mạng tư sản. Điều này sẽ đặt ra những vấn đề rất lớn đối với đời sống tôn giáo, đó là sự ra đời và phát triển các mô hình nhà nước thế tục cũng như tương quan giữa tôn giáo và luật pháp.

Cùng với sự phát triển của thuyết hiện đại, trong thế kỷ XX đã xuất hiện và phát triển lý thuyết phê phán tính hiện đại, khởi nguồn từ những nghiên cứu có tính phê phán của các nhà tư tưởng thuộc thời đại Khai sáng và đạt tới đỉnh cao phát triển ở thế kỷ XIX trong các tác phẩm của Marx và Engels. Đặc biệt vào đầu thế kỷ XX, lý

thuyết này thực sự ra đời ở Châu Âu. Theo Raymon Aron, về đại thể, lịch sử phê phán tính hiện đại đã trải qua các giai đoạn như sau:

- Thế hệ đầu tiên của trường phái lý thuyết phê phán ở Frankfurt (1923) là những người sáng lập ra nó như Max Horkheimer, Theodore Adorno, Herbert Marcuse.

- Thế hệ thứ hai của trường phái Frankfurt là Jurgen Habermas, Albrecht Wellmer và những người khác.

- Thế hệ thứ ba gồm những đại diện như: Axel Honneth ở Đức, Seyla Benhabib và một số người khác ở Hoa Kỳ.

Nhưng lý thuyết phê phán không giới hạn ở Đức hay ở Hoa Kỳ mà phát triển ở Pháp với đại diện tiêu biểu là Michel Foucault, Francois Lyotard, Pierre Bourdieu, Jacques Derrida và nhiều người khác [12], [7, tr.293-294].

Tác phẩm của Alain Touraine có vị trí quan trọng bởi với cách nhìn triết học bao quát; đã làm rõ những lôgic quan trọng của tính hiện đại trong lịch sử xã hội hiện đại ở Châu Âu và những vấn đề thiết yếu của nó như: chủ thể của tính hiện đại; tính hiện đại và ba giai đoạn của sự khủng hoảng; tính hiện đại và hậu hiện đại...

Khái niệm tính hiện đại gắn liền với phong trào Khai sáng ở thế kỷ XVIII với sự chuyển đổi tư duy của loài người sang giai đoạn đề cao lý trí. Gắn liền với điều này là sự đòi hỏi con người được giải phóng khỏi vũ trụ luận của thần thánh. Phong trào Khai sáng là một trang sử mới do con người tự tạo nên khi biết sử dụng lý trí của mình vượt ra khỏi hệ tư tưởng dựa trên quyền uy của thần linh.

Tính hiện đại thực sự xuất hiện cùng với các cuộc Cách mạng tư sản Âu - Mỹ với nhận thức phổ biến rằng, phong trào này

được quan niệm như sự “đứt ra khỏi” [2, tr.48] các truyền thống và tôn giáo.

Sự phát triển của tính hiện đại trong suốt thế kỷ XIX gắn liền với khuynh hướng tư duy theo chủ nghĩa thực chứng khiến cho xã hội học đã bắt đầu gặp những vấn đề nghịch lý. Cụ thể là, con người dường như đứng trước hai dự tính: một bên là ý chí đưa ra những mô hình ổn định của hiện thực xã hội; một bên khác là ý thức kinh nghiệm về những tình huống xã hội không ổn định [3, tr.11]. Điều đó có nghĩa là, xã hội hiện đại là sản phẩm của tính hiện đại, nhưng bản thân nó lại không thể “hài hòa” với sự phát triển của chính bản thân tính hiện đại.

Như vậy, tính hiện đại sẽ gắn kết chặt chẽ với ý tưởng hợp lý hóa, thậm chí ý tưởng ấy còn là nền tảng để xây dựng một xã hội duy lý...

Về mặt lịch sử xã hội, diễn trình lịch sử của Châu Âu đã thể hiện thời kỳ hiện đại từ thời Phục hưng đến Cách mạng tư sản Pháp (1789), cũng như sự bắt đầu công nghiệp hóa mạnh mẽ của nước Anh. Ý nghĩa tinh thần và thực tiễn của tính hiện đại là ở chỗ, nó không chỉ kích thích phát triển kinh tế thương mại, các quy tắc trao đổi thiết lập sự quản lý công cộng, mà còn hình thành những mô hình nhà nước pháp quyền, xã hội thế tục. Mặt khác, ý tưởng về tính hiện đại còn thúc đẩy hình thành Con người mới (Người hiện đại) thay thế Con người cũ của xã hội cổ truyền (trong đó con người đã thoát khỏi mọi hình thức thống trị thần quyền và vương quyền, những tập tục lạc hậu nhờ thế kỷ Ánh sáng quét đi).

Đến đây, chúng ta có thể nhắc lại một định nghĩa tương đối tiêu biểu về tính hiện đại của Alain Touraine: “Quan niệm cổ điển về tính hiện đại trước hết là sự cấu tạo một hình ảnh duy lý về thế giới, đặt con

người vào tự nhiên, đặt vũ trụ vi mô vào vũ trụ vĩ mô, và từ bỏ tất cả những hình thức nhị nguyên về thân thể và linh hồn, của thế giới con người và sự siêu việt” [1, tr.57].

Có thể nói, định nghĩa của Alain Touraine tuy nặng tính triết học, nhưng đã lột tả cơ bản ý nghĩa triết lý của khái niệm tính hiện đại. Để có thể dễ nhận biết hơn “những dấu hiệu xã hội” của khái niệm tính hiện đại, chúng tôi lưu ý thêm ý kiến của Anthony Giddens, khi ông đưa ra một hình ảnh khá toàn vẹn về tính hiện đại như một nỗ lực của bốn chiều kích: công nghiệp chiếm ưu thế, chủ nghĩa tư bản, công nghiệp hóa chiến tranh, và kiểm soát tất cả các mặt của đời sống xã hội... Hình ảnh này lấy từ ý tưởng của Durkheim về “sự cố kết hữu cơ” để diễn tả khái niệm tính hiện đại và xã hội hiện đại.

Như vậy, quan niệm cổ điển về tính hiện đại tương ứng với ý nghĩa một cuộc cách mạng xã hội và tư duy, kêu gọi giải phóng con người và xã hội trung cổ. Nói thêm rằng, chính Max Weber với những công trình đồ sộ của mình về kinh tế và xã hội hiện đại đã chỉ ra những điều căn cốt nhất (như sự tin cậy vào lý trí, tầm quan trọng chủ yếu của lao động, tổ chức sản xuất và sự trao đổi hàng hóa cũng như tính phi cá nhân của luật pháp...) mà ông tóm tắt trong hai yếu tố: duy lý hóa và thế tục hóa.

3. Logic xã hội của tính hiện đại

Các tác giả kinh điển về xã hội học (Tocqueville, Marx và Engels, Weber) đã có những cách nhìn khác nhau về điều này, khi phải trả lời một trong những câu hỏi cơ bản: dựa trên cơ sở nào để xây dựng một xã hội hiện đại đang ở giữa thời kỳ cách mạng công nghiệp đánh dấu bằng sự tan rã của

các mối liên hệ cộng đồng được gọi là “tự nhiên”? Điều “thiên liêng” nào, tính hợp pháp nào có thể là nguồn cội cho những hoạt động xã hội của con người trong xã hội?

Người được coi là tiêu biểu với câu trả lời thuyết phục chính là Max Weber với lý thuyết sự “hợp lý hóa thế giới”. Cùng với khái niệm quan trọng này ông còn đưa ra một số khái niệm liên quan như hợp lý hóa kinh tế, hợp lý hóa đạo đức tôn giáo, hoặc duy lý hóa tôn giáo... Hệ khái niệm này giúp cho việc tạo ra lý thuyết tính duy lý, tính hợp lý trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội của con người mà Max Weber coi đó là điểm then chốt tạo nên tính hiện đại [9, tr.223].

4. Nét nổi trội của tính hiện đại

Max Weber cho rằng, quá trình hợp lý hóa là sự triển khai trong mọi lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội của tính hợp lý, trong đó hoạt động xã hội được coi là có hiệu quả nếu như nó có khả năng làm mất đi ảnh hưởng của tôn giáo trong lối sống của các cá nhân.

Chính vì vậy, trong giai đoạn phát triển của tính hiện đại đã xuất hiện những nguyên tắc tư duy chủ yếu chịu sự chi phối của tư duy duy lý như “hợp lý hóa mang tính lý trí”, “khoa học” và “khoa học kỹ thuật”.

Từ đó, Max Weber coi quá trình “hợp lý hóa thế giới” chính là bản chất của tính hiện đại phương Tây. Chính ông đã đưa ra những mô hình, những hình thức xã hội của tính duy lý (mà chúng tôi khu biệt) dưới đây.

Trước hết, là sự hợp lý hóa về nhà nước (chế độ công chức, luật pháp, cách tổ chức

chế độ tư bản một cách hợp lý về thị trường, lao động, hạch toán, cũng như tách biệt quản lý gia đình và xí nghiệp...). Tiếp đó là hợp lý hóa trong tư duy, khoa học, văn hóa nghệ thuật (“quá trình giải ma thuật của thế giới” trong đời sống tinh thần và sáng tạo khoa học kỹ thuật).

Một hình thức khác của hợp lý hóa là sự mở rộng chủ nghĩa duy lý (ý nghĩa của đạo đức thần linh và đạo đức thế tục, sự đẩy lùi “niềm tin” tôn giáo, phép thuật bị đẩy lùi, thúc đẩy tư duy thực chứng). Cuối cùng, một lĩnh vực hết sức then chốt và phức tạp trong các xã hội Âu - Mỹ là hình thức tôn giáo và duy lý: từ lĩnh vực “hợp lý” chuyển sang lĩnh vực “cái phi lý”. Max Weber cho rằng, trong các xã hội tiền tư bản Âu - Mỹ, tôn giáo đã từng được coi là động lực của văn minh phương Tây thuộc “lĩnh vực cái hợp lý”. Khi xã hội thế tục phát triển, tính hiện đại thắng thế thì cùng với việc tôn giáo bị đẩy lùi vào đời sống cá nhân, trên phương diện ý thức xã hội, tôn giáo bị đẩy sang lĩnh vực “cái phi lý”, hoặc “phản hợp lý”. Đây chính là quá trình mà ông gọi là quá trình hợp lý hóa tôn giáo [9, tr.347].

Theo Alain Tourraine, cần nhận thức rõ một số yếu tố sau đây của tính hiện đại.

Thứ nhất, tính hiện đại không thể chỉ được hiểu như sự hợp lý hóa, mà còn phải được hiểu là sự tách rời ngày càng tăng của thế giới khách quan, được lý trí tạo ra, thoát khỏi thế giới của tính chủ thể và đó là thế giới của cá thể, của tự do cá nhân.

Thứ hai, tính hiện đại đã đoạn tuyệt với vũ trụ luận tôn giáo vốn vừa có tính tự nhiên, vừa có tính thần thánh được tạo dựng, thay thế nó bằng một thế giới của lý trí và sự thế tục hóa để có được một thế giới hiện thực hóa những điều mà con người không thể đạt tới.

Thứ ba, tính hiện đại còn là sự thay thế một thế giới của ý chí thần thánh bằng một thế giới con người chủ thể được tạo ra bằng tính nhị nguyên của hợp lý hóa và chủ thể hóa.

5. Văn hóa, văn minh và tính hiện đại

Như đã nói ở phần trên, mặc dù tính hiện đại đã trở thành một khái niệm triết học quen thuộc nhiều thế kỷ nay, nhưng nó vẫn không ngừng được nhận thức, đặc biệt trong lĩnh vực đời sống xã hội và văn hóa. Mặt khác, dù một bộ phận nhân loại, các xã hội Âu Mỹ đã bước vào ngưỡng cửa của thời kỳ hậu hiện đại, nhưng số đông nhân loại, bộ phận còn lại vẫn đang trong quá trình của tính hiện đại.

P. Max Wildiers (trong cuốn *“Kosmologie in de westerse Cultuur, Historisch - kritisch essay, éd. Pleckmans, Kapellen/Kok Agora, Kampen, 1998”*), khi mô hình hóa bước tiến triển của xã hội hiện đại và hậu - hiện đại đã đưa ra khái niệm ba trạng thái vũ trụ luận và sự biến chuyển của chúng như những “hình ảnh biểu trưng của thế giới” nhân loại. Ba trạng thái đó như sau:

Một là, tầm nhìn cổ đại/nông nghiệp: sự thống nhất có tính cố định và bất biến về cấu trúc. Ông cho rằng từ thời Hy Lạp cổ đại, Aristote nhìn thế giới như một thực tại cố định, thiên liêng mà ở đó cấu trúc giá trị bất biến trong chức năng của con người là những chuẩn mực về xã hội và tôn giáo. “Nếu cần một phép ẩn dụ thì có thể nói rằng, vũ trụ luận của thời đại này là một thang giá trị giữa Trời và Đất” [10, tr.36]. Tác giả cuốn sách trên cũng ghi nhận rằng, vai trò to lớn của Kitô giáo không chỉ thể hiện ở quyền lực chính trị xã hội của nó mà còn trong nhận thức luận về cảm thức Sáng thế của Thiên Chúa.

Hai là, tầm nhìn thế giới hiện đại và khoa học công nghệ: tính nhị nguyên. Theo P. Max Wildiers, biểu trưng trí tuệ của tầm nhìn này được bắt đầu từ Copernic và Galilée. Nhưng chính Descartes, Newton và những nhà tư tưởng ưu tú khác mới là những người thực sự phá hủy tầm nhìn về thế giới cổ trung đại và thay thế vào đó một “thế giới bị phân chia làm hai: thế giới tinh thần và thế giới vật chất”. Triết học và thần học cùng ngự trị thế giới tinh thần. Trong khi đó, khoa học tự nhiên với những phương pháp phân tích mới mẻ đã ngự trị thế giới vật chất và tạo nên sức mạnh khổng lồ cơ giới bởi những luật lệ hoàn toàn có tính thực chứng, định lượng. Nếu cần một phép ẩn dụ về vũ trụ luận này, tác giả không ngần ngại gọi nó là “một thế giới như cỗ máy”.

Vai trò của tôn giáo trong thế giới, hay mối quan hệ giữa nó với tính hiện đại cũng được tác giả ghi nhận: “Tầm nhìn của thế giới mới được khẳng định dù chậm hơn một chút sau sự biến đổi về kỹ thuật đó là phong trào thế tục hóa. Sự phân ly giữa phạm vi của tính tôn giáo và thế giới trần tục được thể hiện rõ nhất ở chỗ, tính tôn giáo trong thế giới tục hóa đã bị biệt lập trong phạm vi cá nhân”².

Như vậy, về cơ bản tác giả đã cho ta thấy những yếu tố tư tưởng triết học, phương pháp luận, xã hội học và đặc biệt mối quan hệ giữa tính hiện đại và tôn giáo trong thời hiện đại.

Ba là, vũ trụ luận hậu hiện đại/hậu công nghiệp: thuyết toàn tiến, không cứng nhắc, can dự, tính trách nhiệm của tư duy và tâm linh, giải bùa mê của văn hóa. Đây là tiêu đề của thời hậu hiện đại, cũng được tác giả thừa nhận bắt đầu từ nửa cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI. Trong tiêu đề trên, ông đặc biệt nhấn mạnh ba động lực quan trọng nhất của thời hậu - hiện đại: lối tiếp cận tích hợp của thuyết toàn tiến; lối suy nghĩ của

phương pháp khoa học không cứng nhắc, coi trọng những cảm thức của tâm linh, bản sắc cá nhân cũng như trong phương diện thần học; từ bỏ thuyết thần học cổ điển tiến tới một nền “thần học không toại nguyện”.

Về hệ giá trị, P. Max Wildiers đã chỉ ra rất đúng rằng, ở thời tiền hiện đại thì Thiên Chúa của Kitô giáo còn đứng trên cả tôn giáo nói chung, tiếp theo mới là quyền lực chính trị trần thế, và quyền lực xã hội của người dân ông tất nhiên là đứng trên người phụ nữ. Trong khi đó, ở thời kỳ hiện đại thì duy lý và khoa học luận được đề cao, đồng thời là sự phân tách giữa quyền lực chính trị xã hội và quyền lực tôn giáo như chúng ta đã nói ở phần trên. Nhưng tất cả những điều này lại bị chi phối bởi cái nhìn nhị nguyên luận, đối chọi giữa vật chất và tinh thần, cái siêu nhiên và cái phàm tục...

6. Xã hội hiện đại và hậu hiện đại

Từ nửa cuối thế kỷ XX, khi một bộ phận của loài người bước vào thời kỳ hậu hiện đại, thì cũng là lúc diễn ra sự khủng hoảng của tính hiện đại. Trong nhiều thế kỷ, cùng với sự khẳng định vai trò của chủ nghĩa tư bản hiện đại trong đó có tác nhân to lớn của triết lý tính hiện đại, thì các yếu tố tạo nên tính hiện đại cũng bộc lộ những bất cập của nó. Đó là:

Thứ nhất, tính hợp lý và duy lý. Qua hai thế kỷ của thời hiện đại, tính hợp lý đã trở thành một nguyên tắc tư duy khi nó đưa phương pháp khoa học, sự phê phán vào mọi lĩnh vực tư tưởng triết học, đời sống xã hội và sản xuất. Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, trong triết lý xã hội và sản xuất của nền kinh tế hàng hóa đã xuất hiện

những phương pháp mới, chẳng hạn như chủ nghĩa Taylor và những phương pháp quản lý lao động khác phá vỡ tính tự chủ của các xí nghiệp và buộc thợ thuyền phải tuân theo những quy định mà giới chủ coi đó là “khoa học, hợp lý”[10, tr.35].

Thứ hai, sự khủng hoảng của chủ nghĩa cá nhân. Như chúng ta đã đề cập, việc giải phóng cá nhân, xác lập vai trò của chủ nghĩa cá nhân trong tiến trình xã hội và sản xuất, cũng như trong việc khẳng định tư tưởng của tính hiện đại là một phương diện trọng yếu khác. Chủ nghĩa cá nhân trong tiến trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, đến đầu thế kỷ XX, đã chuyển từ giai đoạn chủ nghĩa cá nhân phổ quát sang giai đoạn chủ nghĩa cá nhân cụ thể. Giai đoạn sau xuất hiện lôgic mới; đó là: cái cá nhân đã trở thành chủ thể ham muốn và chứa đựng những sức mạnh phi cá nhân, nó đòi hỏi phải xác định lại chủ thể trong những giá trị phổ quát quan trọng như mối quan hệ với Thượng đế (tôn giáo), với lịch sử, với lý trí... Lý trí của con người từ chỗ là động lực có thể biến thành công cụ trong khi lịch sử vẫn bị chi phối bởi các nhà nước...

Thứ ba, tính hiện đại và thế tục hóa. Về phương diện xã hội, tính hiện đại chỉ có thể chiến thắng nếu nó thúc đẩy một xã hội thế tục hóa thoát ra khỏi sự thống trị của tôn giáo, đặc biệt là các xã hội Âu - Mỹ. Chủ nghĩa thế tục và các mô hình của nhà nước thế tục đã xuất hiện trong các cuộc cách mạng tư sản Âu - Mỹ, tiêu biểu là ở Pháp và Hoa Kỳ, đã cho thấy sự thắng thế của xu hướng này. Rõ ràng, sau hơn hai thế kỷ thành công của tính hiện đại, xu hướng thế tục hóa, Giáo hội Kitô giáo đã đánh mất vị trí trung tâm của nó. Trước hết, Giáo hội mất vị trí trung tâm văn hóa, vai trò trong

thiết chế xã hội, lùi bước trước một mô hình xã hội thể tục mới mẻ với sự chế ngự của văn hóa thể tục trên mọi cấp độ. Với những nguyên lý của chủ nghĩa thể tục, con người như “thoát ra khỏi tôn giáo” - như một biểu trưng thành công nhất của tính hiện đại mà Gauchet đã nhận định [6], tôn giáo dường như bị đẩy vào đời sống cá nhân.

Từ những lôgic nói trên, Chủ nghĩa hậu hiện đại đã xuất hiện với những tác giả tên tuổi như A. Giddens (1990), J.P. Willaime (1998), J.F. Lyotard (1979), B. Sweetman (2005)... Người ta nhấn mạnh sự khác biệt của chủ nghĩa hậu hiện đại là ở chỗ: “Thời hiện đại đề cao sự đóng góp của khoa học, chính trị, nghệ thuật cho sự tiến bộ của con người. Nhưng thời hậu hiện đại được đánh dấu bởi sự tan vỡ của tự sự ấy. Trong thời hậu hiện đại, mỗi lĩnh vực của xã hội tách rời nhau và có quy tắc riêng của chúng: không gì bảo đảm cái “chân” (cái đúng) trong khoa học tương thích với cái “đúng đắn” trong chính trị và với cái “mỹ” trong nghệ thuật. Con người phải tìm cách sống trong cái xã hội phân mảnh đó, vốn có nhiều “mã” xã hội và đạo đức không tương thích với nhau. Tính tương đối trong các diễn ngôn là một đặc trưng của tư duy hậu hiện đại” [11, tr.54].

7. Kết luận

Nhận thức về tính hiện đại và quá trình của tính hiện đại là một trong những vấn đề triết học xã hội và con người có vị trí trung tâm trong suy nghĩ và hành động của nhân loại nhiều thế kỷ nay. Tính hiện đại không chỉ là sản phẩm trực tiếp của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất và sự ra đời

của chủ nghĩa tư bản, mà còn là một biểu trưng trí tuệ của tầm nhìn thế giới hiện đại, bắt đầu từ Copernic và Galilée, kết thúc bởi chính Descartes, Newton. Chính họ là những người thực sự phá hủy tầm nhìn về thế giới cổ trung đại và thay thế vào đó một “thế giới bị phân chia làm hai: thế giới tinh thần và thế giới vật chất”, trong đó khoa học tự nhiên có vị trí quyết định.

Ý nghĩa quan trọng hàng đầu của tính hiện đại trong vấn đề con người là, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, vai trò của lý trí được khẳng định. Thậm chí, cách tổ chức xã hội cũng phải tuân theo luật pháp, những khái niệm tự do và hạnh phúc cá nhân cũng đòi hỏi sự thỏa mãn của những nhu cầu tính duy lý và nó đã trở thành một động lực của xã hội hiện đại.

Max Weber có sự phát hiện quan trọng về tính hiện đại, nhờ kế tục và phát triển ý tưởng của những nhân vật như Comte, Hegel và cả Marx. Khi thế giới hiện đại chuyển qua giai đoạn hậu hiện đại từ nửa cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, thì yếu tố duy lý được bổ sung bằng lối tư duy không cứng nhắc (coi trọng những cảm thức của tâm linh, bản sắc cá nhân mở ra cho nhân loại một chặng đường mới của tính hiện đại, khắc phục sự khủng hoảng của tính hiện đại từ giữa thế kỷ XX).

Chú thích

² Từ những năm 1920, ở Đức, Mỹ, Pháp trong những lĩnh vực sản xuất, ý tưởng tổ chức lại đã chiếm vị trí trung tâm và đã đề ra phương pháp Taylor. Đây là trường hợp tiêu biểu cho nghịch lý của tính hợp lý, duy lý, nguyên lý căn bản của tính hiện đại, nhưng đã bộc lộ ngay tính “bất hợp lý” giữa lôgic của giới chủ và thợ thuyền.

Tài liệu tham khảo

- [1] Alain Touraine (2003), *Phê phán tính hiện đại*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [2] Alphonse Dupront (1996), *Các nhà khai sáng là gì?*, Gallimard, Paris.
- [3] Danilo Martuccelli (1999), *Xã hội học về tính hiện đại*, Gallimard, Paris.
- [4] E. Durkheim (2012), *Các quy tắc của phương pháp xã hội học*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [5] E. Le Roy Ladurie (1999), *Nước Pháp bước vào thế kỷ XXI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Gauchet (1985), *Le Désenchantement du monde*, Ed. Gallimard, Paris.
- [7] Lê Ngọc Hùng (2015), *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Đỗ Quang Hưng, Trần Viết Nghĩa (2014), *Tính hiện đại và sự chuyển biến văn hóa Việt Nam thời cận đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Max Weber (1995), *Economie et Société*, tome 2, Ed. Pocket, Paris.
- [10] Marc Luyckx (1991), *Les Religions Face a la Science et la Technologie*, Bruxelles.
- [11] Nguyễn Xuân Nghĩa (2014), “Tính hiện đại, hậu hiện đại và tôn giáo”, *Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới*, Nxb Đại học Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh.
- [12] Raymon Aron (1967), *Les etapes de la pensée sociologique*, Ed. Gallimard.
- [13] Jean-Francois Lyotard (1993), *Moralités Postmodernes*, ed, Galilée, Paris.
- [14] Jean-Francois Lyotard (2007), *Hoàn cảnh hậu hiện đại*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

